

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên nghề: Công nghệ ô tô

Mã nghề: 6510216

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học phổ thông

Thời gian đào tạo: 3 năm

Bằng cấp sau khi tốt nghiệp: Bằng tốt nghiệp Cao đẳng công nhận danh hiệu kỹ sư thực hành

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo nhân lực trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ, có năng lực hành nghề công nghệ ô tô tương ứng với trình độ cao đẳng; có đạo đức, sức khỏe; có trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng sáng tạo, thích ứng với môi trường làm việc trong bối cảnh hội nhập quốc tế; bảo đảm nâng cao năng suất, chất lượng lao động; tạo điều kiện cho người học sau khi hoàn thành khóa học có khả năng tìm việc làm, tự tạo việc làm hoặc học lên trình độ cao hơn.

Người học có năng lực thực hiện được các công việc của trình độ trung cấp nghề công nghệ ô tô và giải quyết được các công việc có tính phức tạp; có khả năng sáng tạo, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ hiện đại vào công việc, hướng dẫn và giám sát được người khác trong nhóm thực hiện công việc.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức

+ Vận dụng được kiến thức kỹ thuật cơ sở vào việc tiếp thu các kiến thức chuyên môn nghề Công nghệ ô tô;

+ Trình bày được cấu tạo và nguyên lý hoạt động các hệ thống, cơ cấu trong ô tô;

+ Hiểu được cách đọc bản vẽ kỹ thuật và phương pháp tra cứu tài liệu kỹ thuật chuyên ngành ô tô;

+ Giải thích được nội dung các công việc trong quy trình tháo, lắp, kiểm tra, hiệu chỉnh, bảo dưỡng và sửa chữa ô tô;

+ Trình bày được nguyên lý, phương pháp vận hành và phạm vi sử dụng các trang thiết bị trong nghề Công nghệ ô tô;

+ Nêu được các nội dung, ý nghĩa của kỹ thuật an toàn và, vệ sinh công nghiệp.

- Kỹ năng

+ Lựa chọn đúng và sử dụng thành thạo các loại dụng cụ, thiết bị tháo, lắp, đo và kiểm tra trong nghề công nghệ ô tô;

+ Thực hiện công việc tháo, lắp, kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa các cơ cấu và các hệ thống cơ bản trong ô tô đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo an toàn lao động;

+ Thực hiện được công việc bảo dưỡng các hệ thống điều khiển bằng điện tử, khí nén và thủy lực trong ô tô;

- + Giao tiếp, tra cứu được các tài liệu chuyên môn bằng tiếng Anh;
- + Sử dụng máy vi tính soạn thảo văn bản, cài đặt và khai thác các phần mềm chuyên ngành;
- + Làm được các công việc cơ bản của người thợ nguội, thợ hàn và thợ điện phục vụ cho quá trình sửa chữa ô tô;
- + Có khả năng tiếp thu công nghệ mới trong lĩnh vực ô tô;
- + Kèm cặp và hướng dẫn tay nghề cho thợ bậc thấp hơn.

- Chính trị, đạo đức

- + Hiểu biết một số kiến thức phổ thông về chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; Hiến pháp và Pháp luật của Nhà nước;
- + Có lương tâm nghề nghiệp, có ý thức chấp hành đúng tổ chức kỷ luật và tác phong làm việc công nghiệp;
- + Tích cực học tập và rèn luyện đạo đức để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của công việc.

- Thể chất, quốc phòng

- + Thường xuyên rèn luyện thân thể để có đủ sức khỏe học tập và công tác lâu dài;
- + Có kiến thức và kỹ năng cơ bản về công tác quân sự và tham gia quốc phòng.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Chăm sóc, làm đẹp xe ô tô;
- Quản lý vật tư, phụ tùng ô tô;
- Sản xuất phụ tùng và lắp ráp ô tô;
- Kinh doanh trong lĩnh vực ô tô và phụ tùng ô tô;
- Sửa chữa động cơ ô tô;
- Sửa chữa gầm ô tô;
- Sửa chữa điện và điều hòa ô tô;
- Tư vấn dịch vụ trong lĩnh vực ô tô;
- Kiểm định ô tô;
- Quản lý bộ phận chăm sóc khách hàng ở các đại lý bán, bảo hành ô tô;
- Quản lý gara ô tô, trung tâm bảo hành - sửa chữa ô tô.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 42
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 168 tín chỉ
- Khối lượng các môn học chung: 435 giờ
- Khối lượng các môn học/mô đun chuyên môn: 3205 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 1057 giờ; thực hành, kiểm tra: 2148 giờ

3. Nội dung chương trình

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Thời gian đào tạo (giờ)				
		Số tín chỉ	Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	Các môn học chung.	29	435	161	251	23
MH01	Giáo dục chính trị	5	75	41	29	5
MH02	Pháp luật	2	30	22	6	2
MH03	Giáo dục thể chất	4	60	5	51	4
MH04	Giáo dục quốc phòng và an ninh	5	75	36	35	4
MH05	Tin học	5	75	15	58	2
MH06	Tiếng anh	8	120	42	72	6
II	Các môn học, mô đun chuyên môn	139	3205	1057	2009	139
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	28	480	277	168	35
MH07	Cơ kỹ thuật	2	30	22	6	2
MH08	Vật liệu kỹ thuật	2	30	21	6	3
MH09	Dung sai lắp ghép và đo lường kỹ thuật	2	30	26	2	2
MH10	Vẽ kỹ thuật	2	30	23	5	2
MH11	An toàn lao động	2	30	25	3	2
MH12	Điện kỹ thuật	2	30	15	12	3
MH13	Điện tử cơ bản	2	30	28	0	2
MH14	Kỹ năng mềm	2	30	18	10	2
MH15	Khởi sự doanh nghiệp	2	30	18	9	3
MĐ16	Thực hành nguội cơ bản	2	60	15	43	2
MĐ17	Thực hành hàn cơ bản	2	60	15	43	2
MH18	Tổ chức và quản lý sản xuất	2	30	28	0	2

MH19	Tiếng anh chuyên ngành	4	60	23	29	8
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	111	2725	780	1841	104
MH20	Kỹ thuật chung về ô tô	4	60	45	11	4
MĐ21	Bảo dưỡng và sửa chữa cơ cấu trục khuỷu - thanh truyền	5	120	30	85	5
MĐ22	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phân phối khí	3	60	15	42	3
MĐ23	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống bôi trơn và hệ thống làm mát	4	90	30	56	4
MĐ24	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu	5	120	30	85	5
MĐ25	Thực hành mạch điện cơ bản	4	90	30	56	4
MĐ26	Bảo dưỡng và sửa chữa trang bị điện ô tô	6	150	45	99	6
MĐ27	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống truyền lực	7	150	45	99	6
MĐ28	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống treo và hệ thống lái	4	90	30	56	4
MĐ29	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh	4	90	30	56	4
MĐ30	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống điều hòa không khí trên ô tô	4	90	30	56	4
MĐ31	Kiểm tra và sửa chữa pan ô tô	4	90	30	56	4
MĐ32	Bảo dưỡng và sửa chữa xe gắn máy	3	75	15	57	3
MĐ33	Thực tập sản xuất	5	240	15	223	2
MĐ34	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phun xăng điện tử	6	150	30	114	6
MĐ35	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống nhiên liệu Diesel điều khiển điện tử	7	150	60	83	7
MĐ36	Bảo dưỡng và sửa chữa hộp số	5	120	45	70	5

	tự động					
MĐ37	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phanh ABS	5	90	45	40	5
MĐ38	Bảo dưỡng và sửa chữa hệ thống phân phối khí thông minh	5	90	45	40	5
MĐ39	Chẩn đoán trạng thái kỹ thuật ô tô	7	150	60	83	7
MĐ40	Kỹ thuật lái ô tô	4	90	30	56	4
MĐ41	Kiểm định ô tô	4	90	30	56	4
MĐ42	Thực tập tốt nghiệp	6	280	15	262	3
Tổng		168	3640	1218	2260	162

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Phương thức đào tạo: Theo niên chế

4.2. Các môn học chung bắt buộc do Bộ Lao động – Thương binh và xã hội tổ chức, xây dựng và ban hành.

- Thông tư số: 24/2018/TT-BLĐTBXH ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp, trường cao đẳng.

- Thông tư số: 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành chương trình môn học Pháp luật dùng cho các trường trung cấp, trường cao đẳng.

- Thông tư số: 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành chương trình môn học Tin học dùng cho các trường trung cấp, trường cao đẳng.

- Thông tư số: 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất dùng cho các trường trung cấp, trường cao đẳng.

- Thông tư số: 10/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 09 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành chương trình môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh dùng cho các trường trung cấp, trường cao đẳng.

- Thông tư số: 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc Ban hành chương trình môn học Tiếng anh dùng cho các trường trung cấp, trường cao đẳng.

4.3. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa

- Học tập nội quy, quy chế và giới thiệu nghề nghiệp cho sinh viên khi mới nhập trường;

- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các cơ sở sản xuất;

- Tham gia các hoạt động hỗ trợ khác để rèn luyện sinh viên;

- Thời gian và nội dung hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian học tập như sau:

STT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: - Qua các phương tiện thông tin đại chúng - Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày từ 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, sinh viên có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Thăm quan, dã ngoại	Mỗi học kỳ 1 lần

4.4. Hướng dẫn tổ chức thi kết thúc môn học/mô đun

- Ôn thi MH/MĐ được bố trí ngoài giờ; thời gian dành cho thi kết thúc MH/MĐ: Không quá 8 giờ

- Hình thức thi hết môn học, mô đun:

- + Đối với môn học chung: thi theo quy định của nhà nước
- + Đối với môn học: thi tự luận hoặc trắc nghiệm
- + Đối với mô đun: thi thực hành

4.5. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp

+ Người học phải học hết chương trình đào tạo với tất cả các môn học, mô đun trong chương trình đào tạo có điểm tổng kết trung bình của môn học, mô đun $\geq 5,0$ và các điều kiện, nội quy, quy định khác cụ thể của nhà trường thì được dự thi tốt nghiệp;

+ Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: Môn Chính trị, lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp, thực hành nghề nghiệp với thời gian và hình thức thi như bảng sau:

STT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Giáo dục chính trị	Tự luận	Không quá 120 phút
2	Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp	Tự luận	Không quá 180 phút
3	Thực hành nghề nghiệp	Thực hành: Bài tập kỹ năng nghề nghiệp tổng hợp	Không quá 180 phút

+ Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp của người học và các quy định có liên quan để xét công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tốt nghiệp theo quy định.

HIỆU TRƯỞNG